

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **79/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/8/2023

V/v tranh chấp: **Xin ly hôn**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Bùi Thanh Trí**.

2/ Ông **Nguyễn Văn Sang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023. Về tranh chấp “**Xin ly hôn**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **NGUYỄN THỊ ÁNH H**; Sinh năm: 1980; Địa chỉ: 131/5C, khu vực Y B, phường L B, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Có đơn đề ngày 28/7/2023 xin giải quyết vắng mặt (BL 35).

- Bị đơn: Ông **LÊ THANH TRƯỜNG C**; Sinh năm: 1970; Địa chỉ: 131/5C, khu vực Y B, phường L B, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Có đơn đề ngày 28/7/2023 xin giải quyết vắng mặt (BL 34).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 21/6/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày:

1/ Về hôn nhân: bà và ông Lê Thanh Trường C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2003. Có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cái Răng, huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (cũ) theo giấy đăng ký kết hôn số 62/2003 ngày 22/5/2003. Chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn

được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh Trường C.

Ông Lê Thanh Trường C thừa nhận vợ chồng có kết hôn và chung sống hạnh phúc được những năm đầu, sau đó thì thường xuyên bất đồng quan điểm. Nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, không trầm trọng nên bản thân ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

2/ Về con chung: hai bên đều xác định vợ chồng có 04 con chung tên Lê Quang M (nam) sinh ngày 08/5/1999, Lê Thanh T (nam) sinh ngày 08/02/2004, Lê Phụng N (nữ) sinh ngày 21/01/2009 và Lê Quang H (nam) sinh ngày 09/4/2018. Lê Quang M và Lê Thanh T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, bà H yêu cầu được nuôi cháu Lê Quang H và không yêu cầu ông C cấp dưỡng để nuôi con. Tự nguyện giao cháu Lê Phụng N cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông C công nhận vợ chồng có 04 con chung như bà H khai. Ông tự nguyện để bà H trực tiếp nuôi Lê Quang H, còn ông trực tiếp nuôi Lê Phụng N và không ai cấp dưỡng để nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: cả hai thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nên vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Thanh Trường C xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Nên được xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nhận thấy cuộc sống chung của hai vợ chồng đã có thời gian hạnh phúc, đã có con chung với nhau. Lẽ ra cả hai phải càng hiểu và quan tâm đến nhau nhiều hơn. Nhưng cả hai lại không dung hòa được mối quan hệ vợ chồng, không thiện chí hàn gắn khi có rạn nứt trong quan hệ vợ chồng.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù ông C có nguyện vọng được hàn gắn nhưng bà H không đồng ý, chứng tỏ bà không còn tha thiết và không muốn duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Quá trình giải quyết Tòa án cũng đã hòa giải động viên hàn gắn, nhưng hai vợ chồng H - C cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Điều này cũng chứng minh đời sống chung thực tế của hai vợ chồng bà Thủy và ông C đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được. Và hôn nhân phải xuất phát từ sự tự nguyện của cả hai vợ chồng. Nên việc bà Nguyễn Thị Ánh H xin được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: cả hai đều xác nhận vợ chồng có 04 con chung tên Lê Quang M (nam) sinh ngày 08/5/1999, Lê Thanh T (nam) sinh ngày 08/02/2004,

Lê Phụng N (nữ) sinh ngày 21/01/2009 và Lê Quang H (nam) sinh ngày 09/4/2018. Xét Lê Quang M và Lê Thanh T đã thành niên nên HĐXX không điều chỉnh.

Nguyên đơn yêu cầu được nuôi cháu Lê Quang H. Còn cháu Lê Phụng N tự nguyện giao cho ông C nuôi dưỡng. Bị đơn cũng thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn. Cháu N cũng có nguyện vọng giống với yêu cầu của nguyên đơn (BL 15), riêng cháu H mới hơn 5 tuổi nên chưa lấy ý kiến được. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt, theo nguyện vọng của con chung và phù hợp với tâm sinh lý của các cháu, theo Điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Ánh H. Giao cháu Lê Quang H cho bà Nguyễn Thị Ánh H và giao cháu Lê Phụng N cho ông Lê Thanh Trường C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung. Cả hai vẫn được quyền tới lui thăm con theo qui định của pháp luật. Nếu sau này ông hoặc bà chứng minh được các cháu sống với mẹ hoặc cha không đảm bảo các điều kiện để phát triển bình thường thì ông và bà có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người nuôi dưỡng các cháu.

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: mặc dù đã được giải thích vấn đề cấp dưỡng là quyền lợi của con chung chứ không phải của người nuôi con nhưng bà H vẫn không yêu cầu. Xét đây là tự nguyện thỏa thuận của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không được đặt ra giải quyết do đương sự không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: cả hai thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử điều chỉnh. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được tách ra giải quyết thành vụ kiện khác theo qui định của pháp luật.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo qui định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.
- Điều 28, 35, 147, **228**, 235, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Cho bà **Nguyễn Thị Ánh H** được ly hôn với ông **Lê Thanh Trường C**.

2/- Về con chung:

- **Lê Quang M** (nam) sinh ngày 08/5/1999 và **Lê Thanh T** (nam) sinh ngày 08/02/2004 đã thành niên nên HĐXX không điều chỉnh.

- Giao cháu **Lê Quang H** (nam) sinh ngày 09/4/2018 cho bà Nguyễn Thị Ánh H tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu **Lê Phụng N** (nữ) sinh ngày 21/01/2009 cho ông Lê Thanh Trường C tiếp tục nuôi dưỡng.

- Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho cả bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Thanh Trường C.

- Dành quyền thăm nom con chung cho bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Thanh Trường C theo qui định của pháp luật.

3/- Về tài sản chung: Không có nên không điều chỉnh. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4/ Về nợ chung: Không có nên không điều chỉnh. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5/- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003304 ngày 06/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Q. Cái Răng. Bà H đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi cư trú thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND. TP/ Cần Thơ.
- VKSND.Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Thái Mỹ Nhung

